

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 16 - 01 - 2020.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lam.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cát Cánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST - DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu B, phường H, quận H M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trung K – Phó giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn K, huyện K, Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, TDP 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Trung K trình bày:

Căn cứ danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của Ủy ban nhân dân thị trấn K xác nhận, ngày 22/01/2008 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Krông N - Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã giải ngân cho bà Nguyễn

Thị N vay tiền theo chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đối với 02 sinh viên Bùi Thị T và Bùi Thị Tr như sau:

- Sinh viên Bùi Thị T số tiền vay là 24.600.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng, Hạn trả nợ cuối cùng 20/3/2016.

- Sinh viên Bùi Thị Tr số tiền vay là 24.600.000 đồng, lãi suất 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 20/3/2016.

Tài sản đảm bảo tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản (cho vay ủy thác qua hội phụ nữ thị trấn K).

Số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị N đã trả cho sinh viên Bùi Thị T là 15.006.800 đồng (trong đó gốc là 14.000.000 đồng, lãi 1.006.800 đồng); Trả cho sinh viên Bùi Thị Tr là 3.161.967 đồng (trong đó gốc là 3.000.000 đồng, lãi 161.967 đồng).

Dư nợ của bà Nguyễn Thị N tính đến ngày xét xử (ngày 16/01/2020) đối với 02 khoản vay trên là:

- + Nợ gốc: 32.200.000đ

- + Nợ lãi: 31.069.522đ (Khoản lãi vay của sinh viên Bùi Thị T là 11.797.430đ; Khoản lãi vay của sinh viên Bùi Thị Tr là 19.272.092đ).

Tổng cộng 63.269.522đ

Cả hai khoản vay trên đều đã quá hạn mặc dù được UBND thị trấn, Hội phụ nữ, tổ tiết kiệm vay vốn và cán bộ ngân hàng đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn không trả nợ. Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách tổng số tiền là 63.269.522đ, trong đó nợ gốc là 32.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/01/2020 là 31.069.522đ, đồng thời buộc bà N phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N công nhận có vay vốn theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách – xã hội huyện K số tiền cụ thể là:

- Sinh viên Bùi Thị T: Ngày 22/01/2008 vay số tiền là 24.600.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2016.

- Sinh viên Bùi Thị Tr: Ngày 22/01/2008 vay số tiền 24.600.000 đồng, lãi suất 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2016.

Tổng số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị N đã trả cho sinh viên Bùi Thị T là 15.006.800 đồng (trong đó gốc là 14.000.000 đồng, lãi 1.006.800 đồng) .

Tổng số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị N đã trả cho sinh viên Bùi Thị Tr là 3.161.967 đồng (trong đó gốc là 3.000.000 đồng, lãi 161.967 đồng).

Bà công nhận hiện nay còn nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách – xã hội huyện K số tiền nợ gốc là 32.200.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Khoản nợ này đã quá hạn thanh toán. Việc ngân hàng khởi kiện bà là đúng. Nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần số nợ. Cụ thể mỗi năm trả 3.000.000 đồng tiền gốc. Bà xin được miễn phần tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam với bà Nguyễn Thị N đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng bà N không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng và bà Nguyễn Thị N là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N thừa nhận có xác lập giao dịch vay tiền của Ngân hàng chính sách. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vắng mặt và Tòa án cũng đã tổng đạt kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên bà N cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được thông báo của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định:

Ngày 22/01/2008 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị N theo chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho 02 sinh viên Bùi Thị T và Bùi Thị Tr như sau:

Sinh viên: Bùi Thị T vay số tiền là 24.600.000 đồng.

Sinh viên Bùi Thị Tr vay số tiền 24.600.000 đồng.

+ Về số tiền đã trả: Kể từ thời điểm vay cho đến nay bà Nguyễn Thị N mới trả cho ngân hàng được một phần của cả hai khoản vay, cụ thể:

- Trả cho sinh viên Bùi Thị T là 15.006.800 đồng, trong đó gốc là 14.000.000 đồng, lãi 1.006.800 đồng.

- Trả cho sinh viên Bùi Thị Tr là 3.161.967 đồng, trong đó gốc là 3.000.000 đồng, lãi 161.967 đồng.

Như vậy, hiện nay bà N còn nợ số tiền gốc là 32.200.000đ.

Theo thỏa thuận của các bên thì ngân hàng cho bà Nguyễn Thị N trong thời hạn 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2016 và cả hai khoản vay hai bên đều có thỏa thuận về tính lãi suất. Tuy nhiên cho đến nay bà N vẫn chưa trả xong nợ gốc và lãi cho ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại và lãi suất phát sinh là hoàn toàn có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án bà N xin gia hạn thêm thời hạn trả nợ, nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần buộc bà N phải trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc còn lại là 32.200.000đ và tiền lãi phát sinh.

Khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của hai khoản vay trên đến thời điểm xét xử cụ thể như sau:

+ Sinh viên Bùi Thị T: Tổng lãi là 12.804230, đã trả 1.006.800, còn lại 11.797.430.

+ Sinh viên Bùi Thị Tr: Tổng lãi là 19.272.092đ, đã trả 161.967đ, còn lại 19.272.092đ.

Tổng tiền lãi: 31.069.522đ

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách Việt Nam, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng chính sách – xã hội Việt Nam toàn bộ số tiền là 63.269.522đ, trong đó: Nợ gốc là 32.200.000đ, nợ lãi tính đến ngày 16/01/2020 là 31.069.522đ, đồng thời phải chịu lãi suất tiếp theo hợp đồng thỏa thuận đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 17/01/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ

[4]. Về án phí: Do bà Nguyễn Thị N là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là $63.269.522đ \times 5\% = 3.163.476$ đồng.

Ngân hàng chính sách không phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 63.269.522đ (Sáu mươi ba triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm hai

mười hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 32.200.000đ, nợ lãi tính đến ngày 16/01/2020 là 31.069.522đ,

Bà Nguyễn Thị N tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền nợ chưa thanh toán, kể từ ngày 17/01/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 3.163.476đ (Ba triệu một trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN